

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÃ MINH TUYẾN
Học viện Chính trị khu vực I

Nhận bài ngày 05/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 27/02/2026.

Abstract

This article analyzes social security as a strategic pillar for sustainable development and social stability in Vietnam today. Based on an assessment of key policies in the 2024–2025 period—including multidimensional poverty reduction, social insurance, health insurance, and preferential policies for people with meritorious services—the study highlights major achievements such as declining poverty rates, expanded health insurance coverage, and improved living standards for beneficiaries. However, the social security system still faces significant challenges, including rapid population aging, low social insurance participation, a large informal labor sector, and the risk of poverty relapse in ethnic minority areas. In response, the article proposes a set of solutions: improving institutional frameworks in line with Resolution No. 42-NQ/TW, expanding social and health insurance coverage, innovating sustainable poverty reduction policies, strengthening policies for people with meritorious services, and promoting digital transformation in governance. These measures aim to build a multi-tiered, modern, inclusive, and sustainable social security system, thereby strengthening public trust and ensuring Vietnam's long-term development.

Keywords: Health insurance, poverty reduction, social insurance, social policy, social security, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đổi mới và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán quan điểm phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. An sinh xã hội (ASXH) vì vậy không chỉ là chính sách hỗ trợ mang tính nhân đạo mà còn là một bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Thực tiễn cho thấy, những quốc gia có hệ thống ASXH vững chắc thường có khả năng chống chịu tốt hơn trước các cú sốc kinh tế - xã hội, duy trì ổn định chính trị và phát triển lâu dài. Ở Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dân số già hóa nhanh, yêu cầu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH ngày càng trở nên cấp thiết. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách ASXH, đặc biệt là các chính sách trọng yếu như giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ưu đãi người có công với cách mạng, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đây chính là mục tiêu mà bài viết hướng tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của an sinh xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới

An sinh xã hội được hiểu là hệ thống các chính sách và biện pháp của Nhà nước và xã hội nhằm bảo vệ con người trước những rủi ro trong cuộc sống, bảo đảm mức sống tối thiểu và tạo điều kiện để mọi người tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Ở Việt Nam, ASXH mang những vai trò cơ bản sau:

2.1.1. An sinh xã hội góp phần bảo đảm ổn định đời sống nhân dân và ổn định xã hội

Thông qua các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội và giảm nghèo, Nhà nước hỗ trợ người dân vượt qua các rủi ro như ốm đau, thất nghiệp, tai nạn lao động, tuổi già, từ đó hạn chế

bất bình đẳng và xung đột xã hội.

Hệ thống ASXH thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập giữa các nhóm dân cư và giữa các giai đoạn trong cuộc đời của một cá nhân (từ lúc trẻ khỏe đóng góp đến lúc già yếu hưởng thụ). Điều này tạo ra sự an tâm cho người lao động, thúc đẩy họ dấn thân vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó duy trì sự ổn định của hệ thống kinh tế. Sự ổn định của từng tế bào gia đình chính là nền tảng cho sự ổn định của toàn xã hội.

2.1.2. An sinh xã hội là công cụ quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc bảo đảm quyền được an sinh của người dân thể hiện rõ bản chất nhân văn, ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Dưới góc độ chính trị, ASXH là minh chứng sống động nhất cho bản chất nhân văn của chế độ XHCN tại Việt Nam. Đảng ta đã khẳng định: “Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển” [5, tr. 128].

Khi người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế và người có công, cảm nhận được sự chăm lo của Nhà nước thông qua các chính sách trợ cấp, thẻ bảo hiểm y tế miễn phí hay nhà ở đại đoàn kết, niềm tin của họ đối với sự lãnh đạo của Đảng sẽ được củng cố. Đây là “vũ khí” quan trọng để đập tan các luận điệu xuyên tạc, bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Một hệ thống ASXH tốt chính là “chất keo” gắn kết các tầng lớp nhân dân với chính quyền, đặc biệt là ở các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa.

2.1.3. An sinh xã hội góp phần thúc đẩy công bằng và tiến bộ xã hội thông qua việc hỗ trợ các nhóm yếu thế như người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo là một hệ quả tất yếu. Nếu không có sự can thiệp của Nhà nước thông qua ASXH, nhóm yếu thế (người nghèo, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số) sẽ bị gạt ra lề của sự phát triển.

2.1.4. Trong bối cảnh phát triển bền vững, an sinh xã hội trở thành trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển con người, bảo đảm phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường khả năng chống chịu của xã hội trước các cú sốc trong dài hạn

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế, sức cạnh tranh của quốc gia nằm ở chất lượng con người. ASXH trực tiếp tác động đến việc tái tạo sức lao động và nuôi dưỡng nguồn nhân lực tương lai. Một hệ thống y tế bao phủ toàn dân giúp giảm tỷ lệ tử vong, nâng cao tuổi thọ và thể lực cho người dân. Một hệ thống bảo hiểm xã hội vững mạnh giúp người lao động yên tâm đầu tư học hỏi kỹ năng mới mà không quá lo sợ rủi ro mất việc làm. Đặc biệt, quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế nhấn mạnh rằng ASXH giúp xã hội có khả năng “chống chịu” trước các cú sốc toàn cầu như dịch bệnh (Covid-19) hay biến đổi khí hậu. Đây không chỉ là sự cứu trợ tạm thời mà là xây dựng một hệ thống tự động kích hoạt để bảo vệ nền kinh tế trước những biến động khó lường.

Như vậy, trong giai đoạn mới, ASXH không chỉ là “túi cứu trợ” lúc khó khăn mà đã trở thành hệ điều hành của một xã hội tiến bộ, công bằng và văn minh. Việc phân tích sâu các vai trò này là cơ sở khoa học quan trọng để đề xuất các giải pháp mang tính đột phá nhằm xây dựng một hệ thống ASXH đa tầng, hiện đại và bao trùm cho mọi người dân Việt Nam.

2.2. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội trọng yếu ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Thực hiện chính sách giảm nghèo

Trong giai đoạn 2021-2025, Việt Nam đã chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình giảm nghèo đa chiều, bền vững, không chỉ tập trung vào thu nhập mà còn đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản. Số liệu thống kê cho thấy một bước tiến ấn tượng khi tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc đã giảm từ 5,2% năm 2021 xuống còn khoảng 1,93% vào năm 2024 [2, tr. 22]. Đặc biệt, dự báo đến hết năm 2025, tỷ lệ này ước chỉ còn khoảng 1,3%, đánh dấu mức giảm 0,6 điểm phần trăm so với năm trước đó [2, tr. 22]. Thành tựu này

là kết quả trực tiếp từ việc triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ sinh kế. Tuy nhiên, phân tích sâu vào cấu trúc nghèo đói, chúng ta thấy những thách thức rất lớn về tính bền vững. "Lỗi nghèo" vẫn đang tồn tại dai dẳng tại các vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đáng chú ý, hộ nghèo là người dân tộc thiểu số hiện vẫn chiếm trên 55% tổng số hộ nghèo cả nước [3, tr. 7, 9, 15]. Điều đó cho thấy khoảng cách phát triển giữa các vùng miền chưa được thu hẹp như kỳ vọng. Bên cạnh đó, nguy cơ tái nghèo luôn thường trực do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu và các cú sốc về thu nhập [3, tr. 7, 9, 15]. Việc giảm nghèo ở các khu vực khó khăn này không chỉ đơn thuần là hỗ trợ tài chính mà còn là bài toán về hạ tầng và năng lực tự vươn lên của chính người dân để triệt tiêu tâm lý ỷ lại.

2.2.2. Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế đã khẳng định vai trò là trụ cột giảm thiểu rủi ro tài chính lớn nhất cho người dân khi đau ốm. Đến năm 2025, Việt Nam đã tiệm cận mục tiêu bao phủ toàn dân với tỷ lệ đạt trên 95% dân số, tương đương hơn 92 triệu người có thể bảo hiểm y tế [8, tr. 45-50]. Đáng chú ý nhất là tính nhân văn của chính sách khi 100% người thuộc hộ nghèo đã được Nhà nước hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí [8, tr. 45-50], đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong việc tiếp cận dịch vụ y tế. Hệ thống y tế bao phủ toàn dân không chỉ giúp nâng cao tuổi thọ, thể lực mà còn là yếu tố then chốt giúp xã hội tăng khả năng chống chịu trước các đại dịch như Covid-19.

Dù độ bao phủ về số lượng rất cao nhưng chất lượng bảo vệ tài chính vẫn là một vấn đề gây quan ngại. Theo các báo cáo của ILO và Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ chi trả trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế tại Việt Nam vẫn ở mức cao. Điều này làm giảm đáng kể hiệu quả bảo vệ của bảo hiểm y tế, đặc biệt là đối với các bệnh hiểm nghèo hoặc điều trị dài ngày [6, tr. 8-10], có thể đẩy các gia đình trung lưu rơi vào cảnh nghèo đói do chi phí y tế. Thêm vào đó, tốc độ già hóa dân số "siêu nhanh" đang tạo áp lực khổng lồ lên hệ thống chăm sóc sức khỏe khi nhu cầu khám chữa bệnh của người cao tuổi tăng đột biến trong khi nguồn lực quỹ bảo hiểm y tế có hạn.

2.2.3. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

Chính sách bảo hiểm xã hội đóng vai trò là "lưới an sinh" dài hạn, đảm bảo thu nhập cho người lao động khi hết tuổi lao động hoặc gặp rủi ro. Tính đến giai đoạn 2024-2025, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội mới chỉ đạt khoảng trên 38% lực lượng lao động [4]. Mặc dù có sự tăng trưởng hàng năm nhưng con số này vẫn còn khoảng cách rất xa so với mục tiêu bao phủ toàn dân. Đặc biệt, khu vực lao động phi chính thức vốn chiếm tới hơn 55% tổng lao động xã hội [6, tr. 8-10] vẫn đang nằm ngoài "lưới an sinh" bắt buộc. Nhóm này gồm khoảng 33,1 triệu người lao động tự do [2], đối mặt với tương lai bấp bênh và nguy cơ "già trước khi giàu" do không có tích lũy hưu trí.

Vấn đề cấp bách nhất hiện nay là tình trạng rút bảo hiểm xã hội một lần dù đã có xu hướng chững lại nhưng vẫn đe dọa nghiêm trọng đến tính bền vững của quỹ và quyền lợi lâu dài của người lao động. Nguyên nhân chủ yếu đến từ thu nhập không ổn định và nhận thức của người lao động còn hạn chế, khiến họ ưu tiên nhu cầu tài chính ngắn hạn hơn là sự an toàn khi về già. Bên cạnh đó, mức đóng và hưởng của bảo hiểm xã hội tự nguyện hiện nay vẫn chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút nhóm lao động trẻ và lao động tự do tham gia. Nếu không có những gói bảo hiểm linh hoạt và ngắn hạn hơn, áp lực lên ngân sách nhà nước để chi trả trợ cấp hưu trí xã hội trong tương lai sẽ là cực kỳ lớn.

2.2.4. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Đây là chính sách mang ý nghĩa chính trị - xã hội đặc thù, thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" và góp phần củng cố "thể trận lòng dân". Đến năm 2025, khoảng 99,6% hộ gia đình người có công đã có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình tại nơi cư trú [3, tr. 7, 9, 15]. Sự chăm lo của Nhà nước được thể hiện rõ qua việc điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi lên 2.789.000 đồng/tháng vào năm 2025. Đặc biệt, mức trợ cấp dành cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã được nâng lên khoảng 8.367.000 đồng/tháng [4, tr. 1- 4], đảm bảo cuộc sống ổn định và trang trọng cho những người có đóng góp lớn nhất cho Tổ quốc.

Không chỉ dừng lại ở trợ cấp tiền mặt, hệ thống chính sách còn bao phủ diện rộng qua việc hỗ trợ bảo hiểm y tế, điều dưỡng phục hồi sức khỏe, hỗ trợ nhà ở và giáo dục cho con em người có công. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục điều chỉnh mức trợ cấp này phù hợp với lộ trình cải cách tiền lương và chỉ số giá tiêu dùng để đảm bảo giá trị thực tế của khoản hỗ trợ. Đồng thời, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính thông qua công nghệ hiện đại vẫn là nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi sự đầu tư lớn về cả nhân lực và tài lực để đáp ứng mong mỏi của nhân dân và gia đình các liệt sĩ.

2.2.5. Những vấn đề cấp bách đặt ra

Bên cạnh những kết quả tích cực, hệ thống ASXH ở Việt Nam hiện nay đang đối diện với 5 vấn đề cấp bách mang tính cơ cấu và dài hạn, đòi hỏi cải cách đồng bộ về thể chế, tài chính và quản trị.

Thứ nhất, sức ép già hóa dân số và nguy cơ mất cân đối quỹ an sinh trong dài hạn. Việt Nam đang già hóa nhanh trong khi nền tảng tích lũy an sinh còn hạn chế. Dự báo đến khoảng năm 2036, Việt Nam chính thức trở thành quốc gia có dân số già; hiện vẫn có khoảng 40% người cao tuổi chưa có lương hưu hoặc trợ cấp thường xuyên [3]. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội mới đạt trên 38% lực lượng lao động [4], chưa đủ tạo nền tảng cân đối quỹ bền vững. Đồng thời, chi phí điều trị bệnh mãn tính và bệnh không lây nhiễm gia tăng mạnh theo quá trình già hóa dân số, gây áp lực lớn lên quỹ bảo hiểm y tế [6, tr. 8-10]. Nếu không cải cách cơ chế đóng - hưởng, điều chỉnh tuổi nghỉ hưu và nâng cao hiệu quả quản trị quỹ, nguy cơ mất cân đối tài chính trong tương lai là hiện hữu.

Thứ hai, độ bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp và “khoảng trống an sinh” đối với lao động phi chính thức. Việt Nam có khoảng 33,1 triệu lao động tự do, chiếm trên 55-60% lực lượng lao động [2, tr. 22], song phần lớn chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Điều này khiến mục tiêu đạt 60% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội vào năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW [1] gặp nhiều thách thức. Thu nhập bấp bênh, thiếu hợp đồng lao động và tâm lý ưu tiên lợi ích trước mắt khiến nhiều người lao động không tham gia hoặc rút bảo hiểm xã hội một lần. Nghiên cứu cho thấy nếu không mở rộng các gói bảo hiểm linh hoạt và tăng hỗ trợ đóng góp, nguy cơ một bộ phận lớn dân số bước vào tuổi già không có lương hưu là rất cao [9].

Thứ ba, tính bền vững của giảm nghèo và bất bình đẳng vùng miền. Tỷ lệ nghèo đa chiều đã giảm từ 5,2% năm 2021 xuống khoảng 1,93% năm 2024 [2, tr. 22], song hộ nghèo là người dân tộc thiểu số vẫn chiếm trên 55% tổng số hộ nghèo cả nước [3, tr. 7, 9, 15]. Điều này cho thấy tình trạng “lỗi nghèo” tập trung ở vùng sâu, vùng xa và khu vực chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Nhiều hộ đã thoát nghèo nhưng thu nhập chưa ổn định, dễ tái nghèo khi gặp thiên tai, dịch bệnh hoặc biến động việc làm [3, tr. 7, 9, 15]. Nếu chính sách tiếp tục thiên về hỗ trợ ngắn hạn mà chưa gắn với phát triển sinh kế và nâng cao năng lực tự chủ, thành quả giảm nghèo khó bảo đảm bền vững.

Thứ tư, chất lượng bảo vệ tài chính của bảo hiểm y tế và áp lực nguồn lực an sinh. Dù bảo hiểm y tế đã bao phủ trên 95% dân số, tương đương hơn 92 triệu người tham gia [8] nhưng tỷ lệ chi trả trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình vẫn cao so với khuyến nghị quốc tế [6, tr. 8-10]. Điều này làm giảm hiệu quả bảo vệ trước rủi ro chi phí y tế lớn. Đồng thời, chi ngân sách cho trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi và ưu đãi người có công tăng theo xu hướng già hóa dân số và cải cách tiền lương [4, tr. 1-4], trong khi nguồn thu từ đóng góp bảo hiểm còn hạn chế. Nếu không kiểm soát chi phí và đa dạng hóa nguồn lực, tính bền vững tài chính của hệ thống an sinh sẽ bị ảnh hưởng.

Thứ năm, hạn chế về quản trị, chuyển đổi số và khả năng ứng phó rủi ro mới. Công tác quản lý an sinh còn phân tán; dữ liệu giữa các cơ quan chưa liên thông đầy đủ, gây khó khăn cho giám sát và đánh giá chính sách [7, tr. 88-105]. Việc chi trả trợ cấp ở một số địa phương còn thủ công, tiềm ẩn nguy cơ sai sót. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận người lao động và doanh nghiệp về nghĩa vụ tham gia bảo hiểm còn hạn chế; tình trạng trốn đóng, nợ đóng và rút bảo hiểm một lần vẫn diễn ra [6, tr. 8-10]. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và dịch bệnh toàn cầu, hệ thống an sinh cần cơ chế phản ứng nhanh và linh hoạt hơn.

Có thể thấy, 5 vấn đề trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải cải cách hệ thống ASXH theo hướng đa tầng, bao trùm và hiện đại, nhằm bảo đảm ổn định xã hội và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới

2.3.1. Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị nhà nước

Đây là giải pháp tiền đề, mang tính dẫn dắt cho toàn bộ hệ thống. Nghị quyết 42-NQ/TW [1] đã chuyển đổi tư duy từ "trợ giúp xã hội" sang "quyền ASXH", đòi hỏi một khung pháp lý tương xứng. Tập trung sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi). Cần cụ thể hóa các quy định về hệ thống ASXH đa tầng nhằm tạo sự liên thông giữa tầng trợ cấp hưu trí xã hội (ngân sách nhà nước) và tầng bảo hiểm xã hội bắt buộc/tự nguyện.

Việc hoàn thiện thể chế giúp khắc phục tình trạng chông chéo giữa các bộ, ngành. Đặc biệt, việc thể chế hóa quyền được an sinh của người dân giúp chuyển đổi từ mô hình hỗ trợ dựa trên lòng hảo tâm sang mô hình bảo đảm quyền lợi pháp lý bền vững, giúp mọi người dân đều có "tấm lưới" bảo vệ trước mọi rủi ro của kinh tế thị trường.

2.3.2. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo hướng toàn dân

Nghị quyết số 42-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030 có khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. Đây là mục tiêu đầy thách thức, đòi hỏi sự bứt phá trong cách tiếp cận.

Tập trung vào nhóm lao động khu vực phi chính thức và lao động tự do thông qua các chính sách hỗ trợ đóng từ ngân sách địa phương và trung ương.

Triển khai linh hoạt các gói bảo hiểm xã hội tự nguyện ngắn hạn với quyền lợi hấp dẫn (như trợ cấp thai sản, ốm đau) để thu hút người trẻ.

Kiên quyết xử lý tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội tại các doanh nghiệp.

Mở rộng bao phủ không chỉ giúp giảm gánh nặng trợ cấp cho ngân sách trong tương lai mà còn tạo nguồn lực tài chính lớn để tái đầu tư vào các dịch vụ công. Một xã hội có tỷ lệ tham gia bảo hiểm cao là một xã hội có khả năng tự phục hồi tốt trước các cú sốc như đại dịch hay khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

2.3.3. Đổi mới chính sách giảm nghèo và trợ giúp xã hội bền vững

Thay vì hỗ trợ cào bằng, chính sách cần tập trung vào các "lỗi nghèo" và nâng cao năng lực tự vươn lên của chủ thể.

Chuyển từ hỗ trợ cho không sang hỗ trợ có điều kiện và cho vay tín dụng ưu đãi. Tập trung đầu tư hạ tầng thiết yếu cho các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng mô hình "an sinh gắn liền với sinh kế", trong đó nhà nước hỗ trợ kỹ thuật và kết nối thị trường tiêu thụ nông sản cho hộ nghèo.

Giải pháp này giúp triệt tiêu tâm lý ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước. Khi người nghèo được tiếp cận với kiến thức và công cụ sản xuất, họ trở thành chủ thể của quá trình phát triển, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa miền xuôi và miền ngược, đảm bảo công bằng xã hội thực chất như văn kiện Đại hội XIII đã đề ra.

2.3.4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công

Đây không chỉ là vấn đề ASXH mà còn là vấn đề chính trị, đạo lý, thể hiện lòng biết ơn của dân tộc đối với những người đã hy sinh cho Tổ quốc.

Tiếp tục điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công phù hợp với lộ trình cải cách tiền lương và chỉ số giá tiêu dùng. Đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", xã hội hóa nguồn lực để xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người có công. Đặc biệt chú trọng công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính liệt sĩ còn thiếu thông tin.

Chăm lo tốt cho người có công giúp củng cố "thế trận lòng dân", tạo động lực tinh thần to lớn cho các thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một quốc gia trân trọng lịch sử và người có

công sẽ có nền tảng ổn định chính trị vững chắc nhất.

2.3.5. *Đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa hệ thống quản lý*

Trong kỷ nguyên 4.0, không thể quản lý ASXH bằng sổ sách thủ công. Đây là giải pháp đột phá để nâng cao tính minh bạch.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về ASXH liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Triển khai chi trả trợ cấp qua tài khoản ngân hàng (không dùng tiền mặt) cho 100% đối tượng tại khu vực thành thị và trên 80% tại khu vực nông thôn. Ứng dụng công nghệ số để dự báo xu hướng già hóa dân số và các điểm nóng về nghèo đói, từ đó điều chỉnh chính sách kịp thời.

Chuyển đổi số giúp loại bỏ tình trạng chi trả nhầm, chi trả trùng lặp hoặc trục lợi chính sách. Sự công khai, minh bạch trong quản trị xã hội chính là chìa khóa để xây dựng một chính quyền phục vụ, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với các dịch vụ ASXH.

3. Kết luận

Như vậy, hệ thống ASXH đóng vai trò là "trụ cột chiến lược" không thể tách rời trong tiến trình phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu rực rỡ như giảm tỷ lệ nghèo đa chiều xuống mức ấn tượng 1,3% [2, tr. 22] và bao phủ bảo hiểm y tế trên 95% dân số vào năm 2025 [8] nhưng thực tế vẫn đặt ra những "nút thắt" lớn cần tháo gỡ. Áp lực từ tốc độ già hóa dân số "siêu nhanh" cùng sự tồn tại của hơn 33 triệu lao động phi chính thức [2] nằm ngoài lưới an sinh bắt buộc là những thách thức đòi hỏi một tư duy quản trị mới, hiện đại và nhân văn hơn.

Vì vậy, để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 có 60% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội [1], việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp từ hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW đến đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý là yêu cầu cấp thiết. ASXH trong giai đoạn mới không đơn thuần là sự trợ giúp nhân đạo tạm thời mà chính là sự đầu tư cho con người, nâng cao khả năng "chống chịu" của xã hội trước các cú sốc toàn cầu. Khi "tấm lưới" an sinh được dệt chặt chẽ, minh bạch và bao trùm đến từng đối tượng yếu thế, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng sẽ được củng cố vững chắc. Đó chính là "chất keo" gắn kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh nội sinh bền bỉ để xây dựng một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc và công bằng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2023). *Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*, tr. 3 (Mục II - Quan điểm chỉ đạo, Khoản 2); tr. 5 (Mục III - Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, Khoản 2.1).
- [2] Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2025). *Báo cáo số liệu thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn quốc năm 2024*.
- [3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024, 2025). *Báo cáo công tác an sinh xã hội và giảm nghèo*.
- [4] Chính phủ (2024). *Nghị định số 77/2024/NĐ-CP, ngày 01/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ* (Điều 1).
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] ILO & World Bank (2023-2024). *Vietnam Social Protection Review*. World Bank Publications, Washington D.C.
- [7] Trần Văn Lân (2025). *Chuyển đổi số trong quản trị an sinh xã hội hiện đại*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 88-105.
- [8] Tổng cục Thống kê (2024, 2025). *Báo cáo tình hình lao động việc làm tại Việt Nam*. NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 45-50.
- [9] Oxfam Việt Nam (2024). *Social Insurance Coverage for Informal Workers in Vietnam*, Hà Nội. tr. 12-15.
- [10] Phạm Tất Thắng (2025). *Giải pháp mở rộng lưới an sinh cho lao động phi chính thức*. Tạp chí Lao động và Xã hội, số 2, tr. 14-19.